TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 - AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2025/DS-ST
Ngày: 12 - 8 - 2025
V/v "Tranh chấp hợp đồng dân sự góp hụi (họ)"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Thanh Phát.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Trần Ngọc Điệp.
2. Ông Danh Riêng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Đình Nguyên - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 5 - An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 - An Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Ngọc Nhiều - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 5 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 309/2024/TLST-DS ngày 08 tháng 10 năm 2024 về "Tranh chấp hợp đồng dân sự góp hụi (họ)" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 257/2025/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Võ Thị Kim T, sinh năm: 1984 (có mặt).

2. Bị đơn: Bà Đoàn Thị K (vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Văn Đ (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện G, tỉnh Kiên Giang (nay là ấp H, xã H, tỉnh An Giang).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 17/9/2024 và tại phiên tòa, bà* Võ Thị Kim T *là nguyên đơn trình bày:*

Ngày 09/8/2018, bà K tham gia 04 dây hụi do bà làm chủ, mỗi dây hụi là 1.000.000 đồng, kỳ mở hụi 01 tháng 01 lần, có 26 thành viên. Quá trình tham gia góp hụi bà K đã lĩnh (hốt) 03 dây và còn nợ tiền hụi chưa góp tương ứng với 03 dây hụi là 44.000.000 đồng. Bà K không góp hụi theo thỏa thuận nên bà làm đơn yêu cầu Ban lãnh đạo ấp H, xã H, huyện G giải quyết. Ngày 04/8/2022, Ban lãnh đạo ấp Hòa Thành L "Bản giao kèo" giữa hai bên, nội dung: Bà K

thừa nhận còn nợ tiền hụi của bà là 44.000.000 đồng và cam kết mỗi tháng trả 2.000.000 đồng. Tuy nhiên, bà K không thực hiện đúng theo nội dung đã cam kết.

Bản giao kèo ngày 04/8/2022, do ông Bùi Văn T1 là Công an ấp H viết tại nhà bà K, có sự chứng kiến của ông Đ là chồng bà K và Trưởng ấp H, sau khi viết xong vợ, chồng bà K cùng ký tên và được T2 ấp xác nhận.

Bà K không có thiện chí trong việc trả tiền hụi còn nợ. Vì vậy, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà K trả tiền hụi còn nợ là 44.000.000 đồng (bốn mươi bốn triệu đồng).

** Bà* Đoàn Thị K *là bị đơn:*

Không nộp văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà T; không cung cấp tài liệu, chứng cứ để Tòa án xem xét.

** Ông* Lê Văn Đ *(chồng bà* K*) là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Không nộp văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà T; không cung cấp tài liệu, chứng cứ để Tòa án xem xét.

** Phát biểu quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:*

Thẩm phán xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án, xem xét việc thụ lý vụ án, cấp tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng và tiến hành thu thập chứng cứ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, vẫn còn vi phạm về thời gian xét xử theo Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị khắc phục.

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và của nguyên đơn đã thực hiện đúng theo quy định. Đối với bà K và ông Đ chưa thực hiện đúng về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của bà T có đủ cơ sở xác định: Bà T làm chủ hụi, bà K là hụi viên; quá trình tham gia góp hụi thì bà K còn nợ bà T tiền hụi là 44.000.000đ, theo "Bản giao kèo" ngày 04/8/2022 (bút lục 23) do Công an ấp lập và vợ, chồng bà K thống nhất ký tên. Tuy nhiên, bà K không thực hiện đúng theo nội dung đã thỏa thuận trả nợ hàng tháng, mỗi tháng trả 2.000.000 đồng; việc bà K thừa nhận nợ nhưng không trả theo thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ. Căn cứ Điều 471 Bộ luật Dân sự và Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường. Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, buộc bà K phải có nghĩa vụ trả cho bà T tiền hụi còn nợ 44.000.000 đồng.

Về án phí: Đề nghị hoàn trả cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp và buộc bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm giá ngạch theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bà Võ Thị Kim T khởi kiện yêu cầu bà Đoàn Thị K trả tiền hụi còn nợ, đây là tranh chấp hợp đồng dân sự góp hụi (họ), theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Đoàn Thị K là bị đơn có nơi cư trú tại ấp H, xã H, huyện G, tỉnh Kiên Giang (nay là ấp H, xã H, tỉnh An Giang). Căn vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 5 - An Giang.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà K và ông Đ. Tuy nhiên, ông bà không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa là không thực hiện đúng về quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp và do Tòa án thu thập để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Bà K và ông Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ điểm b khoản 2 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án.

[2]. Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của bà T về việc yêu cầu bà K phải trả tiền hụi còn nợ; để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là có căn cứ, bà T cung cấp cho Tòa án chứng cứ là: "Bản giao kèo" ngày 04/8/2022 (bút lục 23), nội dung: "*...hụi chết là 44.000.000 đồng hàng tháng chị* K *trả là 2.000.000 đồng...*" và bà T xác định: Bản giao kèo ngày 04/8/2022 do ông Bùi Văn T1 là Công an ấp H viết tại nhà bà K, có mặt của bà, bà K, ông Đ là chồng bà K và T2 ấp Hòa T3; sau khi viết xong bà K, ông Đ cùng ký tên và T2 ấp xác nhận giao cho bà giữ. Quá trình giải quyết vụ án, bà K và ông Đ không có ý kiến phản đối chứng cứ nêu trên. Mặt khác, Tòa án xác minh về "Bản giao kèo" (bút lục 23) kết quả như sau:

Ông Bùi Văn T1 cung cấp (bút lục 25): Bản giao kèo do ông viết tại nhà bà K, có mặt của vợ, chồng bà T, vợ chồng bà K và T2 ấp; thời điểm này ông là Công an ấp H; lý do ông viết bản giao kèo do bà K nợ tiền hụi bà T và bà T có yêu cầu ấp hòa giải; hai bên thống nhất số tiền hụi còn nợ và phương thức trả nợ. Ông Trần Văn V là Trưởng ấp H cung cấp (bút lục 26): Bản giao kèo do ông Bùi Văn T1 viết là đúng; do lập tại nhà của bà K nên không lập biên bản hòa giải; hai bên thống nhất thỏa thuận xong ông ký tên xác nhận.

Trên cơ sở lời trình bày của bà T, chứng cứ là "Bản giao kèo" (bút lục 23) và kết quả Tòa án xác minh (bút lục 25, 26), Hội đồng xét xử có cơ sở xác định việc hai bên xác lập hợp đồng dân sự góp hụi với nhau là có thật và có cơ sở xác định tại thời điểm ngày 04/8/2022, bà K nợ tiền hụi bà T là 44.000.000 đồng.

Hợp đồng dân sự góp hụi là sự thỏa thuận của những người tham gia, nhằm mục đích tương trợ lẫn nhau. Cho nên, những người tham gia phải thực hiện đúng về quyền, nghĩa vụ theo thỏa thuận và phải phù hợp với các quy định

của pháp luật về hợp đồng dân sự góp hụi; bà K đã lĩnh hụi nhưng không góp hụi cho bà T theo thỏa thuận và không trả nợ hàng tháng, mỗi tháng trả 2.000.000 đồng, theo Bản giao kèo (bút lục 23) là vi phạm về hợp đồng góp hụi và vi phạm trách nhiệm của thành viên do không góp hụi.

Bà T khẳng định, kể từ thời điểm lập "Bản giao kèo" ngày 04/8/2022 cho đến nay bà K chưa trả tiền hụi được phần nào, bà K không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của bà T. Cho nên, bà T khởi kiện yêu cầu bà K phải trả tiền hụi nợ là 44.000.000 là có cơ sở chấp nhận.

Từ những nhận định nêu trên, căn cứ vào Điều 471 của Bộ luật Dân sự; Điều 30 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP27 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường và Điều 24 của Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường. Hội đồng xét xử buộc bà K phải có nghĩa vụ trả cho bà T tiền hụi còn nợ là 44.000.000 đồng (bốn mươi bốn triệu đồng).

Để bảo đảm quyền lợi của người được thi hành án, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

[3]. Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Yêu cầu khởi kiện của bà T được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; trả cho bà T tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.100.000 đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0008768 ngày 04 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang (nay là Phòng thi hành án dân sự Khu vực 5 - An Giang).

Bà K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch tương ứng với yêu cầu khởi kiện của bà T được chấp nhận 44.000.000 đồng x 5% = 2.200.000 đồng.

[4]. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Khoản 4 Điều 11, Điều 471 của Bộ luật Dân sự.

Điều 30 Nghị định số: 144/2006/NĐ-CP27 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường.

Điều 24 của Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường.

Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Kim T về việc tranh chấp hợp đồng dân sự góp hụi (họ) đối với bà Đoàn Thị Kiều . Buộc bà Đoàn Thị K phải có nghĩa vụ trả cho bà Võ Thị Kim T tiền hụi là 44.000.000 đồng (bốn mươi bốn triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp Cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Trả cho bà Võ Thị Kim T tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.100.000 đồng (một triệu một trăm nghìn đồng) do ông Lê Thanh P nộp thay, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0008768 ngày 04 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang (nay là Phòng thi hành án dân sự Khu vực 5 - An Giang).

Bà Đoàn Thị K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.200.000 đồng (hai triệu hai trăm nghìn đồng).

3. Về quyền kháng cáo: Bà Võ Thị Kim T có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 12/8/2025); bà Đoàn Thị K và ông Lê Văn Đ có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh An Giang;
-THA tỉnh An Giang;
- VKSND KV 5;
- Phòng THA KV 5;
- UBND xã Hòa Hưng;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Danh Thanh Phát